TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2017
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm; Ông Vũ Ngọc Côn.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 355/2017/DSST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1975 (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Lương Văn K, sinh năm 1972 (Có mặt)

Đều trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/8/2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh Lương Văn K về chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 21/12/1993 (âm lịch), trước khi về chung sống với nhau hai bên có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Cưới xong chị về gia đình anh K làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống hàng ngày thường xảy ra cãi vã, xô sát làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017 (âm lịch) đến nay và xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Lương Văn K.

- Về con chung: Vợ chồng chị sinh được 03 người con chung là Lương Văn C, sinh ngày 10/5/1994; Lương Hằng N, sinh ngày 16/02/1997 và Lương Hương G, sinh ngày 21/12/2010. Hiện nay cháu C và cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn đối với cháu Lương Hương G thì chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu G. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/11/2017 bị đơn anh Lương Văn K trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L về chung sống như vợ chồng với nhau năm 1993, trước về ở với nhau hai bên có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong vợ chồng anh sinh sống ở thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh B, thời gian đầu vợ chồng sống tình cảm, hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, quan điểm của anh là đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng sinh có 03 người con chung là Lương Văn C, sinh ngày 10/5/1994; Lương Hằng N, sinh ngày 16/02/1997 và Lương Hương G, sinh ngày 21/12/2010. Hiện nay cháu C và cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn đối với cháu Lương Hương G thì chị Hoàng Thị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu G và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của anh là đồng ý với đề nghị trên của chị L.

- Về tài sản, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng anh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị giữ nguyên các nội dung đã trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản ghi lời khai của chị trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lương Văn K đồng ý với những lời khai của chị L trước Tòa. Anh không bổ sung hay trình bày thêm nội dung gì.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

Không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L quản lý, chăm sóc con chung là Lương Hương G, sinh ngày 21/12/2010. Anh Lương Văn K được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, trước khi về chung sống với nhau hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay anh chị không đi đăng ký kết hôn lại theo nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn, là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh K phát sinh khoảng đầu năm 2016, chị L và anh K đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 3/2017 (âm lịch) đến nay. Hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh K nên cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn K là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn K sinh được ba người con là Lương Văn C, sinh ngày 10/5/1994; Lương Hằng N, sinh ngày 16/02/1997 và Lương Hương G, sinh ngày 21/12/2010. Hiện nay cháu C và cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên cả chị L và anh K đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với cháu Lương Hương G thì chị Hoàng Thị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu G và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đề nghị được nuôi con chung của chị Hoàng Thị L là chính đáng, chị L có nơi ở ổn định, có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Hương G, mặt khác cháu G đang ở cùng chị L, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do đó cần tiếp tục giao cho chị Hoàng Thị L quản lý, chăm sóc con chung là Lương Hương G, sinh ngày 21/12/2010 là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị L, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con xét

thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, anh K được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Không ai được cản trở anh Kiên thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Lương Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị L quản lý, chăm sóc con chung là Lương Hương G, sinh ngày 21/12/2010. Anh Lương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi được Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, anh Lương Văn K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0003156 ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- UBND xã Đ, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu HS.

Nguyễn Thái Sơn